TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày: 20/01/2022
(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh;
2. Bà Trần Thị Cúc;
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 158/2021/TLST – DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 và thông báo dời phiên tòa số 143/TB-TA ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1978;

2.2. Chị Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh T (cùng có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1993. Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 04/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Do quen biết nên bà nhiều lần cho anh T, chị P vay tiền. Đến năm 2020, anh T, chị P có viết và ký tên vào biên nhận vay tiền tổng cộng số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận đầu năm 2021 sẽ trả lại tiền, đến hẹn bà đòi nhiều lần nhưng anh T, chị P hứa hẹn nhiều lần không trả, kéo dài cho đến nay. Bà trực tiếp giao tiền cho anh T, chị P. Bà không liên quan cũng không biết gì về việc vay mượn tiền của chị P, anh T và chị P với nhau.

Nay yêu cầu giải quyết buộc anh T và chị P phải liên đới trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 29/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng Phúc trình bày:***

Vợ chồng anh, chị có quen biết với chị Nguyễn Thị Bé N (con ruột của bà Nguyễn Thị L). Anh, chị có cho chị P vay số tiền 610.000.000 đồng.

Chị P tham gia các dây hụi do mẹ ruột bà Nguyễn Thị L làm chủ thảo, nên nợ chị P nhiều lần số tiền 500.000.000 đồng. Vì sợ chị P phát hiện, nên chị P có nhờ chị viết biên nhận nợ chị P 500.000.000 đồng để chị P tin tưởng, sau khi viết biên nhận nợ thì chồng là anh T có ký tên vào biên nhận. Anh, chị ký biên nhận nợ với chị P nhưng chị P trực tiếp giao số tiền 500.000.000 đồng cho chị P nên chị P phải trả tiền cho chị P.

Nay chị P khởi kiện yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng anh, chị chỉ đồng ý trả cho chị P 350.000.000 đồng vì chỉ là người mượn tiền thay cho chị P.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 15/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:***

Cách đây khoảng 02 năm, chị có vay tiền nhiều lần của chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Nguyễn Minh T, tổng cộng vốn lãi là 610.000.000 đồng.

Tháng 9/2021, chị P và anh T có yêu cầu chị viết 01 biên nhận với nội dung "Nguyễn Thị Bé N có nhờ Huỳnh Thị Hồng P hỏi mượn dùm má 5, 500.000.000 đồng (Nguyễn Thị L)". Mục đích để tạo lòng tin cho số tiền chị vay 610.000.000 đồng. Chị chỉ ký tên vào tờ giấy mà anh T, chị P đưa. Số tiền 500.000.000 đồng mà chị P khởi kiện yêu cầu chị P, anh T trả nợ không liên quan gì đến chị. Chị không có mượn tiền, nhận tiền từ chị P, cũng không có nhờ chị P, anh T mượn tiền chị P như chị P, anh T trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị P khởi kiện yêu cầu anh T, chị P trả số tiền 500.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa chị P với anh T, chị P có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, được hai bên thừa nhận, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

2.2. Do anh T, chị P vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên chị P yêu cầu trả lại số tiền 500.000.000 đồng tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tại phiên tòa anh T, chị P trình bày: Chỉ là người ký giấy vay tiền của chị P theo yêu cầu của chị P, không trực tiếp nhận tiền từ chị P, chị P trực tiếp giao tiền cho chị P nên chỉ đồng ý trả cho chị P số tiền 350.000.000 đồng nhưng không được chị P và chị P thừa nhận. Anh T, chị P không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Trường hợp chị P, anh T có tranh chấp số tiền 500.000.000 cho rằng mượn của chị P thay cho chị P thì các bên tự thỏa thuận với nhau hoặc tranh chấp với nhau bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[4] Xét tại phiên tòa chị P yêu cầu anh T, chị P liên đới trả số tiền 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy anh T, chị P là vợ chồng, trong biên nhận nợ 500.000.000 đồng có chữ ký của cả hai người nên có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P.

[5] Về án phí: Anh T, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của chị P được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Huỳnh Thị Hồng P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 500.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T, chị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T và chị Huỳnh Thị Hồng P phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc